TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà:* Không tham gia

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 314/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Ngọc N, sinh năm 1997; Địa chỉ: Khu phố F, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ B, ấp S, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ nguyên đơn Võ Thị Ngọc N trình bày:

Vào năm 2021 chị và anh Nguyễn Quốc T tự nguyện quen biết yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên chị và anh T tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy

ban nhân dân phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang vào ngày 17-12-2021. Trong quá trình chung sống chị và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Võ Quốc H, sinh ngày 16-12-2022, hiện cháu H đang sống cùng chị N. Về tài sản chung và nợ chung thì không có.

Chị N xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên chị và anh T đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn cùng anh Nguyễn Quốc T

Về việc nuôi con chung: Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H đến khi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 01-7-2024, bị đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày như sau:

Vào năm 2021 anh và chị Võ Thị Ngọc N tự nguyện quen biết yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên anh chị tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang vào ngày 17-12-2021. Trong quá trình chung sống anh và chị N có 01 người con chung tên Nguyễn Võ Quốc H, sinh ngày 16-12-2022, hiện cháu H đang sống cùng chị N. Về tài sản chung và nợ chung thì không có.

Anh T xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 3-2023 thì vợ chồng có cự cãi một số chuyện trong gia đình, anh T lo đi kiếm việc làm để lo cuộc sống trong gia đình đồng thời có đi học thêm nghề, sau đó anh có về thăm con nhưng vợ không cho thăm, anh cũng buồn nên anh về cha mẹ anh tại huyện H sống cho đến nay, anh và chị N chỉ mới ly thân được khoảng 01 tháng nay, anh xác định vợ chồng anh chỉ có mâu thuẫn nhỏ nhặt không nghiêm trọng để phải ly hôn với nhau. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh còn thương vợ, thương con vì con anh còn quá nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn với chị N

Về việc nuôi con chung: Anh yêu cầu được nuôi cháu H đến khi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị N yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy đây là tranh chấp về ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung, bị đơn anh Nguyễn Quốc T có nơi cư trú tại tổ B, ấp S, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị N và anh T nhưng anh, chị vắng mặt tại phiên tòa, riêng chị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau vào năm 2021 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang vào ngày 17-12-2021, do đó hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Ngọc N, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian đầu sau khi cưới nhau, chị N và anh T chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2022 giữa anh chị bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng không hàn gắn được nên anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, chị N và anh T không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng xác nhận vợ chồng có cự cãi một số chuyện trong gia đình, anh T lo đi kiếm việc làm để lo cuộc sống trong gia đình đồng thời có đi học thêm nghề, sau đó anh có về thăm con nhưng vợ không cho thăm, anh cũng buồn nên anh về cha mẹ anh tại huyện H sống cho đến nay, qua đó cho thấy giữa anh chị đã có một thời gian dài sống ly thân với nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo, cuộc sống hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[5] Về việc nuôi con chung:

Chí N1 và anh T cùng xác nhận anh chị có một người con chung tên Nguyễn Võ Quốc H, sinh ngày 16-12-2022, hiện chị N1 đang chăm sóc và nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị N1 về việc yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi anh chị sống ly thân, cháu H sống với chị N1, chị N1 vẫn đảm bảo cuộc sống về vật chất và tinh thần cho con, hiện cháu H mới được 02 tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ là cần thiết đối với cháu để cháu phát triển về mặt thể chất và tình thần được tốt hơn, ngoài ra căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi nên được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, do đó Hội đồng xét xử xét nên giao cháu H cho chị N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu H mà không ai được cản trở.

Xét yêu cầu của anh T về việc yêu cầu được được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H đến tuổi trưởng thành là không có cơ sở chấp nhận, bởi những nhận định nêu trên.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị N1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N1 và anh T cùng xác nhận anh chị không có về tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị N1 yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N1 phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56, các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35, 39 và Điều 40; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Ngọc N ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Võ Quốc H, sinh ngày 16-12-2022 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Ngọc N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Ngọc N và anh Nguyễn Quốc T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Ngọc N phải nộp 300.000 đồng nhưng chị N được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001189 ngày 24-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, chị Như k phải nộp thêm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Quyền kháng cáo: Chị Võ Thị Ngọc N và anh Nguyễn Quốc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phan Thị Quyên